

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2026
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Văn Sinh

Ông Phạm Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1979.

Số căn cước công dân: 072179004046

Nơi thường trú: khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: tổ F, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: ông Trương Văn D, sinh năm 1979.

Số căn cước công dân: 096079020075

Nơi thường trú: ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: phòng 18 nhà trọ Nguyễn Ngọc L, tổ D, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị Kim H và ông Trương Văn D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2025 tại UBND phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 04/9/2025.

Từ khi kết hôn đến nay, bà H và ông D không sống chung với nhau. Bà H ở tổ F, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, còn ông D ở tại tổ D, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, hai vợ chồng không chung sống với nhau, mỗi tuần ông D đến thăm bà H 1, 2 lần. Bà H nhiều lần yêu cầu ông D về sống chung nhưng ông D không đồng ý mà nhiều lần hứa hẹn. Ông D còn liên hệ qua lại với hai người vợ cũ dẫn đến hai vợ chồng nhiều lần cãi vã. Ông D nhiều lần cam kết, hứa hẹn chấm dứt liên lạc với vợ cũ nhưng không thực hiện mà còn thường xuyên gặp lại vợ cũ. Từ khoảng tháng 01/2026 đến nay thì hai vợ chồng hoàn toàn không có liên lạc, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông D cũng hoàn toàn không có sự quan tâm, chia sẻ với bà H. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà H và ông D không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trương Văn D nhưng ông D không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim H vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trương Văn D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Lê Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn D. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Trương Văn D đang cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều

35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim H vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trương Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ngày 04/9/2025, bà Lê Thị Kim H và ông Trương Văn D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét thấy, bà H xác định giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng không sống chung với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông D nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông D đều vắng mặt, điều này chứng tỏ ông D cũng không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà H và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: bà H xác định không có con chung với ông D.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bà Lê Thị Kim H phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim H đối với bị đơn ông Trương Văn D về việc ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Kim H được ly hôn với ông Trương Văn D.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Lê Thị Kim H phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009147 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung